TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2024/HS - ST
Ngày 24 tháng 4 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Tú và ông Nguyễn Văn Trò.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Khánh L - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2024/TLST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Văn V;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 27 tháng 04 năm 1981 tại C, Phú Thọ;

Nơi cư trú: khu P, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;

Bố đẻ: Lê Văn N, sinh năm 1943; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị H1, sinh năm 1945, hiện đều ở xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ;

Vợ: Hà Thị Thanh V1, sinh năm 1987 (đã ly hôn);

Con: Bị cáo có 02 người con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2012;

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại Bản án số 248A/2014/HSST, ngày 29/12/2014, Lê Văn V bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành

xong thời gian thử thách của án treo ngày 29/6/2016, thi hành xong án phí ngày 24/04/2015).

Tiền án: Tại Bản án số 46/2018/TLST-HS ngày 11/9/2018, Lê Văn V bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". (chấp hành xong hình phạt ngày 11/6/2022, thi hành xong án phí và khoản tiền tịch thu sung quỹ nhà nước vào tháng 3/2019).

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 24/11/2023. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh P. *(có mặt).*

- Bị hại:

1, Cháu Nguyễn Văn V2, sinh năm 2010. Địa chỉ: khu T, xã H, huyện C, Phú Thọ; *(vắng mặt).*

2, Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1954. Địa chỉ: khu T, xã H, huyện C, Phú Thọ; (*vắng mặt).*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1985. Địa chỉ: khu Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(vắng mặt).*

2, Cháu Hạ Như Q, sinh năm 2008. Địa chỉ: khu D, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ. *(vắng mặt).*

- Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Văn V2: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1972. Địa chỉ: khu T, xã H, huyện C, Phú Thọ; *(vắng mặt).*

- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Hạ Như Q: Anh Hạ Văn C1, sinh năm 1981. Địa chỉ: khu D, xã Đ, huyện C, tỉnh Phú Thọ; *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài cá nhân, Lê Văn V, sinh năm 1981 ở khu P, Xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ đã nảy sinh ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 8 giờ ngày 31/10/2023, V đi bộ đến khu vực trụ sở Ủy ban nhân dân xã C cũ thuộc khu P, xã H, huyện C (hiện trụ sở này không còn sử dụng để làm việc), thì thấy ở trong lán để xe ở đây đang có hai chiếc xe đạp điện, xung quanh không có ai trông coi. V đi theo lối cổng ủy ban vào bên trong lán để xe và dắt 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ màu đỏ trắng, nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng, đi ra phía ngoài cổng ủy ban (đây là xe của cháu Nguyễn Văn V2, sinh năm 2010 ở khu T, xã H, huyện C, cháu Vũ h tại trường THCS H3 ở phía đối diện ủy ban nhưng cháu tự để xe ở đây mà không gửi trong trường). Sau đó, V dùng một chiếc

chìa khóa bằng kim loại mang theo từ trước chọc vào ổ khóa điện của xe cậy khóa ra rồi nối 02 sợi dây điện lại với nhau để khởi động xe. Sau khi khởi động được xe thì V lắp ổ khóa lại như cũ. Do biết quán sửa chữa và mua bán xe đạp điện cũ của anh Hoàng Văn L1, sinh năm 1985 ở khu Đ, xã Đ, huyện C có mua bán xe điện cũ nên V điều khiển xe điện trên đi đến quán của anh L1. Khi gặp anh L1 ở quán thì V nói với anh L1 là "*Em có chiếc xe điện cũ không đi đến, muốn bán anh có mua không*?". Anh L1 hỏi V đây là xe của ai thì V trả lời đó là xe của V. Do loại xe này không có biển số, không phải đăng ký chủ sở hữu nên anh L1 không hỏi giấy tờ xe mà xem qua chiếc xe điện. Sau đó hai bên trao đổi thống nhất giá mua bán là 3.000.000đ. Anh L1 trả tiền cho V, V nhận tiền rồi tự dắt xe điện vào vị trí để các xe cũ trong quán của anh L1 rồi ra về. Số tiền 3.000.000 đồng bán xe được, V đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 06/11/2023, V tiếp tục đi một mình đến khu T, xã H, huyện C xem có ai sơ hở trong quản lý tài sản để tiếp tục trộm cắp. Khi đi đến nhà ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 ở khu T, xã H, huyện C thì V thấy cửa cổng nhà ông C đang mở và có nhiều xe máy, xe đạp điện đang dựng trong sân (nhà ông C ở gần trường THPT H4, gia đình ông C có cho các cháu học sinh để nhờ xe, không có vé và không thu tiền). V đi vào sân quan sát thì thấy nhà ông C chỉ có một mình ông C ở nhà và ông C đang ở phía bên trong nhà. V đứng ở sân và nói vọng vào nhà với ông C là: "*Cho cháu xin cái xe gửi từ lúc trưa*". Nghe thấy V nói vậy thì ông C có nhìn ra sân quan sát V và thấy V không phải một trong những học sinh mà ông gặp gửi xe sáng nay, nghĩ là người này gửi xe cho bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1962 là vợ ông nên ông trả lời rằng đợi vợ ông về thì lấy. Sau đó ông C đi vào bếp làm việc nhà. Thấy ông C nói vậy thì V không nói thêm với ông C gì nữa. Lúc này, V quan sát thấy ông C không đi ra ngoài sân, vợ ông C chưa về nên lợi dụng ông C không để ý, V đã lén lút dắt chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng của cháu Hạ Như Q, sinh năm 2008 ở khu D, xã Đ, huyện C đang để tại sân nhà ông C đi ra phía ngoài cổng. Khi dắt xe đi ra cách nhà ông C khoảng 10 mét thì V dừng lại, V dùng chìa khóa bằng kim loại mang theo trước đó cậy ổ khóa điện để đấu hai dây điện lại với nhau và khởi động xe điện. Sau đó, V điều khiển chiếc xe điện này đến quán sửa xe của anh L1 để bán. Khi đến quán anh L1 thì V có hỏi anh L1 là anh có mua xe điện không em bán cho. Anh L1 hỏi V đây là xe của ai thì V bảo đó là xe của V. Do tin tưởng, anh L1 chỉ xem qua xe rồi đồng ý mua chiếc xe trên. Hai bên trao đổi thống nhất giá mua bán là 1.500.000đ. Anh L1 trả cho V số tiền 1.500.000đ. Sau khi nhận tiền thì V tự dắt xe lại vị trí để xe cũ trong quán của anh L1 rồi ra về. Số tiền bán xe có được, V đã tiêu xài cá nhân hết. Về phía cháu Q sau khi phát hiện bị mất xe điện, cháu đã làm đơn trình báo tới cơ quan Công an để giải quyết theo thẩm quyền.

Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tiến hành xác minh theo quy định.

Ngày 08/11/2023 và ngày 10/11/2023 anh Hoàng Văn L1 đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan CSĐT Công an huyện C hai chiếc xe đạp điện mà V đã bán cho anh L1 ở trên.

Ngày 10/11/2023 Cơ quan điều tra đã ra Thông báo truy tìm bị hại liên quan đến vụ việc trộm cắp ở trên. Sau khi biết được thông báo trên, cháu V2 đã có đơn trình báo đến cơ quan điều tra.

Ngày 09/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị của chiếc xe đạp điện của cháu Hạ Như Q bị Lê Văn V trộm cắp ở trên. Tại Bản kết luận định giá số 58/KL-HĐĐGTS ngày 14/11/2023 của Hội đồng giám định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định: 01 (một) chiếc xe điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng có giá trị là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng).

Ngày 15/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã ra yêu cầu định giá tài sản để xác định giá trị của chiếc xe đạp điện của cháu Nguyễn Văn V2 bị Lê Văn V trộm cắp ở trên. Tại Bản kết luận định giá số 59/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2023 của Hội đồng giám định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C xác định: 01 (một) chiếc xe điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Lê Văn V đã thành khẩn khai nhận hành vi vi phạm của bản thân. Lời khai của V phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, đặc điểm tài sản trộm cắp và phù hợp với những tài liệu, chứng cứ Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số: 09/CT - VKSCK- HS ngày 05 tháng 02 năm 2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê đã truy tố bị cáo Lê Văn V về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C thực hành quyền công tố nhà nước tại phiên toà vẫn giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị:

- Về tội danh: Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V từ 15 đến 18 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2023. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn V.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 430, Điều 431, khoản 2 Điều 444 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bị cáo Lê Văn V phải bồi thường khoản tiền gì. Cháu Hạ Như Q và cháu Nguyễn Văn V2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu V phải bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Buộc bị cáo Lê Văn V phải trả lại cho anh Hoàng Văn L1 số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c, khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 14/09/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho cháu Hạ N2 Quỳnh 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng và đã trả lại cho cháu Nguyễn Văn V2 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh; 01 chiếc quần đùi lửng màu đen; 01 đôi dép màu vàng thu giữ của Lê Văn V. (Theo biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/02/2024)

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên của bị cáo và người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định và hợp pháp.

[2] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội: Tại phiên toà hôm nay bị cáo Lê Văn V đã khai nhận toàn bộ hành vi vi phạm pháp luật nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã quy kết: Khoảng hơn 8 giờ ngày 31/10/2023, tại lán xe của UBND xã C cũ

thuộc khu P, xã H, huyện C, Lê Văn V đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm ngàn đồng) của cháu Nguyễn Văn V2. Khoảng hơn 14 giờ 00 phút ngày 06/11/2023, tại sân nhà ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1954 ở khu T, xã H, huyện C, Lê Văn V đã có hành vi trộm cắp 01 (một) chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng, có giá trị là 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm ngàn đồng) của cháu Hạ Như Q. Như vậy, tổng giá trị tài sản mà Lê Văn V đã trộm cắp ở trên là 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà hôm nay là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án và các tài liệu khác lập lưu trong hồ sơ. Sau khi đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, bị cáo không tranh luận và bào chữa cho hành vi phạm tội của mình. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản" như Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Điều luật quy định:

"Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

..."

[3] Xét thấy tính chất vụ án là thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi của bị cáo còn gây mất trật tự trị an xã hội trên địa bàn. Vì vậy đưa bị cáo ra xét xử và có hình phạt nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

[4.1] Về nhân thân: Tại Bản án số 248A/2014/HSST, ngày 29/12/2014, Lê Văn V bị Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng, về tội "Trộm cắp tài sản" (chấp hành xong thời gian thử thách của án treo ngày 29/6/2016, thi hành xong án phí ngày 24/04/2015).

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo V phạm tội 02 lần. Tại Bản án số 46/2018/TLST-HS ngày 11/9/2018, Lê Văn V bị Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê xử phạt 05 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma tuý". (chấp hành xong hình phạt ngày 11/6/2022, thi hành xong án phí và khoản tiền tịch thu sung quỹ nhà nước vào tháng 3/2019). Đến ngày 31/10/2023 khi chưa được xoá án tích,

Lê Văn V lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do vậy, lần phạm tội này của V là tái phạm.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích, đánh giá tính chất mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở để phục vụ công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm và tạo điều kiện cho bị cáo có cơ hội sửa chữa, cần chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là áp dụng hình phạt tù để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[5] Về hình phạt bổ xung: Tại khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự có quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng"*. Xét thấy qua xác minh của cơ quan điều tra bị cáo Lê Văn V không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Gia đình ông Nguyễn Văn C không yêu cầu V phải bồi thường khoản tiền gì. Cháu Hạ Như Q và cháu Nguyễn Văn V2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu V phải bồi thường gì them nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Hoàng Văn Lạc đề n Lê Văn V phải hoàn trả cho anh L1 số tiền 4.500.000đ mà anh L1 đã trả cho V khi mua xe là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng; 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng thu giữ của anh Hoàng Văn L1, Ngày 14/09/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C trả lại cho cháu Hạ Như Q và cháu Nguyễn Văn V2 - là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản trên là phù hợp.

Đối với 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh; 01 chiếc quần đùi lửng màu đen; 01 đôi dép màu vàng thu giữ của Lê Văn V. Quá trình điều tra xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội. Tại phiên tòa bị cáo đề nghị các tài sản trên đã cũ không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy nên tịch thu tiêu hủy là phù hợp.

Đối với chiếc chìa khóa bằng kim loại mà V sử dụng để cậy mở ổ khóa điện, V trình bày sau lần trộm cắp chiếc xe của cháu Q xong, V có để khóa trong túi quần nhưng sau đó đã bị rơi mất, rơi ở chỗ nào V không rõ, do vậy quá trình điều tra không thu thập được chiếc chìa khóa trên nên không có cơ sở để xem xét xử lý trong vụ án này.

[8] Đối với anh Hoàng Văn L1 không biết 02 chiếc xe điện mà V bán cho anh là do trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với anh L1 là đúng quy định của pháp luật.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Người đại diện hợp pháp được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

[1] Áp dụng Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

[2] Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h Khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn V 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/11/2023.

Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Lê Văn V.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 430, Điều 431, khoản 2 Điều 444 Bộ luật dân sự.

Ông Nguyễn Văn C không yêu cầu bị cáo Lê Văn V phải bồi thường khoản tiền gì. Cháu Hạ Như Q và cháu Nguyễn Văn V2 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu V phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Buộc bị cáo Lê Văn V phải trả lại cho anh Hoàng Văn L1 số tiền 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

[4] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xác nhận ngày 14/09/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện C đã trả lại cho cháu Hạ N2 Quỳnh 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng ALPHEBIKE, xe đã qua sử dụng và đã trả lại cho cháu Nguyễn Văn V2 01 chiếc xe đạp điện màu đen, có dán chữ đỏ trắng nhãn hiệu 133M, xe có giỏ xe, xe đã qua sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc áo phông cộc tay màu xanh; 01 chiếc quần đùi lửng màu đen; 01 đôi dép màu vàng thu giữ của Lê Văn V. (Theo biên bản giao, nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 05/02/2024)

[5] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn V phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thực hiện việc thanh toán tiền, thì bên phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo (có mặt) được quyền kháng cáo; Người bị hại, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Người đại diện hợp pháp (vắng mặt) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

T/M .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đinh Thị Thu Huyền

Nơi nhận:
- VKS ND T.Phú Thọ; huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Cơ quan CSĐT Công an H;
- Cơ quan THAHS Công an H;
- Trại tạm giam Công an tỉnh P;
- UBND xã H;
- Bị cáo, bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người đại diện hợp pháp;
- Lưu HS, AV.